TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph

Bản án số: 18/2022/HS-ST
Ngày: 08/4/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS - TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Th

2. Ông Phan Minh Q

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Kh - Thư ký Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh AG.

- *Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng H - Kiểm sát Vên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Văn T (T KH), sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp Tân Huệ, xã VT, huyện TS, tỉnh AG; Chỗ ở: khóm Bình Đức 2, phường Bình Đức, thành phố Long XuY, tỉnh AG; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: Vệt N; con ông Lê H Ph, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị Ch (đã chết); anh chị em ruột có bảy người, bị cáo là người thứ hai; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: có 03 tiền án:

+ Ngày 20/8/2009, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh AG xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 30/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện TS xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hình phạt hai Bản án là 07 năm tù. Chưa chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 23/3/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam". Tổng hợp hình phạt chung cho các Bản án là 11 năm tù. Đến ngày 25/3/2020, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/02/2021, đến ngày 07/3/2021 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Bà Châu Thị Th, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp Sơn Tân, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

2/ Cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2016. Nơi cư trú: ấp Sơn Tân, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (có mặt).

Đại diện bị hại:

1/ Chị Trần Thị S, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp Sơn Tân, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (vắng mặt).

2/ Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp Sơn Tân, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (có mặt).

Người làm chứng:

1/ Ông Trần Minh H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Sơn Tân, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

2/ Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp Sơn Tân, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

3/ Nguyễn Văn V, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Nhà tạm giữ Công an huyện CT, tỉnh AG (vắng mặt)

4/ Thái Phú Y, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khóm Tây Khánh 4, phường Mỹ Hòa, thành phố Long XuY, tỉnh AG (vắng mặt)

5/ Đỗ Thành N, sinh ngày 11/11/2005. Nơi cư trú: khóm Đông Thịnh 2, phường Mỹ Phước, thành phố Long XuY, tỉnh AG (vắng mặt)

Người giám hộ cho Đỗ Thành N: Ông PH Văn C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: khóm Đông Thịnh 2, phường Mỹ Phước, thành phố Long XuY, tỉnh AG (vắng mặt)

6/ Nguyễn Phi Kh, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long XuY, tỉnh AG (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Bùi Thị Tường V: Ông Phan Văn H - Trợ giúp Vên pháp lý, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước AG (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T 03 lần bị kết án về các tội "Trộm cắp tài sản", "Cố ý làm hư hỏng tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam" chưa được xóa án tích. Khoảng 21 giờ

ngày 23/02/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 67L1-155.06 chở Đỗ Thành N chạy dọc theo các tuyến đường nông thôn Thộc huyện TS để tìm tài sản lấy trộm, đến khoảng 08 giờ ngày 24/02/2021, T và N vào quán nước của Châu Thị Th tại ấp Sơn Tân, xã VĐ, huyện TS để uống nước. Khi này, T thấy Th có đeo dây chuyền bằng vàng loại 18 kara trọng lượng 05 chỉ và Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2016 (cháu của Th) đeo sợi dây chuyền bằng vàng loại 18 kara trọng lượng 0,8 chỉ, nên T rủ N cướp hai sợi dây chuyền này, do sợ Th phát hiện bắt giữ nên N không đồng ý, đi ra xe mô tô ngồi, còn T đến quầy gọi tính tiền, lợi dụng lúc Th mất cảnh giác, T đứng đối diện dùng tay pH xô Th ngã vào vách nhà, thì bị Th đang cầm ấm nước trên tay ném T nhưng không trúng, T dùng tay pH đánh 01 cái trúng vào cằm, đồng thời giật lấy sợi dây chuyền trên cổ của Th, tiếp theo T chạy đến chỗ V đang nằm trên giường (cách Th khoảng 4m) tiếp tục giật sợi dây chuyền trên cổ V rồi chạy ra xe mô tô nổ máy, trong tình trạng N ngồi phía trước chạy về hướng thành phố Long XuY. Khi này, Th đuổi theo tri hô đồng thời gọi điện thoại cho Trần Minh H (con ruột của Th) đang ở chợ VĐ biết biển số, mô tả đặc điểm xe để H ra đường đón chặn. Cùng lúc này, H phát hiện T đang điều khiển xe 67L1-155.06 đến nên quay xe mô tô ngang đường chặn lại thì T đánh lái sang trái đâm vào trụ đá ven đường té ngã, T bỏ xe mô tô lại trốn thoát, còn N bị mời về công an xã VĐ làm Vệc. Ngày 25/02/2021, sau khi trốn thoát T nhờ Nguyễn Văn V (bạn của T) điều khiển xe mô tô chở T đến tiệm vàng "Kim Quang" do Thái Phú Y làm chủ, tại khóm Tây Khánh 4, phường Mỹ Hòa, thành phố Long XuY, bán hai sợi dây chuyền được 11.500.000 đồng, T cho V 2.000.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Ngày 26/02/2021, biết hành V bị phát hiện nên T đến Công an huyện TS đầu thú.

Ngày 05/3/2021, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS khởi tố, điều tra.

Vật chứng Th giữ: Xe mô tô biển số 67L1-155.06, số máy VTTJL1P52FMH023505, số khung RRKWCH0UM7XP23505.

Tại Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐ ngày 05/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TS, ghi nhận: Sợi dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng 05 chỉ, trị giá 20.170.000 đồng; sợi dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng 0,8 chỉ, trị giá 3.227.200 đồng. Tổng trị giá 23.397.200 đồng.

Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 18/01/2021 của Công an huyện TS, xác định: Xe mô tô có số máy VTTJL1P52FMH023505, số khung RRKWCH0UM7XP23505. Chủ xe là Nguyễn Phi Kh, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long XuY, tỉnh AG.

Ngày 01/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS đã trả xe mô tô biển số 67L2-167.89 và mũ bảo hiểm cho anh Nguyễn Văn Hiếu.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T khai nhận hành V phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Châu Thị Th, Bùi Thị Tường V và đại diện bị hại Bùi Thanh T, Trần Thị S (người đại diện hợp pháp của V) trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Đối với thương tích vùng cằm của Th bị T gây ra, do thương tích nhẹ nên Th không yêu cầu xử lý và từ chối giám định. Th, S yêu cầu T bồi Th thiệt hại lần lượt của mỗi người là 20.170.000 đồng và 3.227.200 đồng.

Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện TS thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguY truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành V phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: tổng hợp hình phạt bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HS-ST ngày 02/7/2021 xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi Th cho bị hại giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt.

Trợ giúp Vên pháp lý ông Phan Văn H trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Bùi Thị Tường V: thống nhất tội danh, Điều khoản cáo trạng truy tố bị cáo T. Tuy nhiên cần xem xét về trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tiền án nhưng vẫn tái phạm, điều này thể hiện bị cáo rất xem Th pháp luật, do vậy cần xử phạt nghiêm bị cáo như đề nghị của Vện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiện bồi Th cho bị hại giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của các hành V, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS, Điều tra Vên, Vện kiểm sát nhân dân huyện TS, Kiểm sát Vên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành V, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này có người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sau khi vụ án xảy

ra, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành V phạm tội của bị cáo Lê Văn T:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, lời nhận tội của bị cáo hoàn T phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, các biên bản hoạt động tố tụng. Ngoài ra còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy có đủ căn cứ xác định: Lê Văn T đã có 03 tiền án về các tội "Trộm cắp tài sản", "Cố ý làm hư hỏng tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam" chưa được xóa án tích. Ngày 24/02/2021, T tiếp tục thực hiện hành V cướp hai sợi dây chuyền vàng, loại 18 kara có tổng trọng lượng 5,8 chỉ, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 23.397.200 đồng của Châu Thị Th, Bùi Thị Tường V sinh ngày 04/12/2016. Căn cứ vào quy định của pháp luật, hành V nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Cướp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó Cáo trạng của Vện kiểm sát nhân dân huyện TS truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật đã Vện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành V phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét thấy, bị cáo Lê Văn T là người đã trưởng thành, có sức khỏe nhưng không chịu lo lao động để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình và xã hội, ngược lại do tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không pH đổ mồ hôi công sức nên dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo biết hành V Cướp tài sản của người khác là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện bị cáo là người rất xem Th pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, phạm tội tập trung nhiều tình tiết định khung tăng nặng đó là phạm tội đối với người dưới 16 tuổi và tái phạm nguy hiểm.

Hành V phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến quyền sở H hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân vì pH Th xuY đề cao cảnh giác. Do vậy khi lượng hình cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải.

[6] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo thực hiện hành V phạm tội cướp tài sản của bị hại thì pH có trách nhiệm bồi Th. Tại phiên tòa, bị hại bà Châu Thị Th yêu cầu bị cáo bồi Th giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 20.170.000 đồng; đại diện bị hại Bùi Thị Tường V là anh Bùi Thanh T yêu cầu bị cáo bồi Th 3.227.200 đồng nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi Th cho bị hại số tiền này.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra Th giữ được 01 biển số 67L1-155.06 (đã qua sử dụng). Đây là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần T bố tịch Th tiêu hủy.

[8] Bị cáo Lê Văn T pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.169.860 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức Th, miễn giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với Đỗ Thành N đi cùng T, nhưng không tham gia, không giúp sức T thực hiện hành V chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện TS không truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

Lê Văn T khai, sau khi chiếm đoạt được tài sản của các bị hại, T cùng V đến tiệm vàng "Kim Quang" bán cho Y. Ngoài lời khai của T ra không còn chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Xe môtô số máy VTTJL1P52FMH023505, số khung RRKWCH0UM7XP23505 của Nguyễn Phi Kh bị mất trộm tại khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long XuY nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TS đã thông báo và chuyển xe mô tô này đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Long XuY giải quyết theo thẩm quyền.

Châu Thị Th bị thương tích vùng cằm, do thương tích nhẹ Th không yêu cầu xử lý và từ chối giám định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS không khởi tố vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- T bố bị cáo Lê Văn T (T KH) phạm tội "Cướp tài sản"

Áp dụng điểm e, h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T (T KH) 08 (tám) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HS-ST ngày 02/7/2021 xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Buộc bị cáo chấp

hành hình phạt chung của 02 bản án là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2021.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự

- Buộc bị cáo Lê Văn T (T KH) có trách nhiệm bồi Th cho bà Châu Thị Th giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt với số tiền 20.170.000 đồng; bồi Th cho cháu Bùi Thị Tường V giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt (do Chị Trần Thị S và anh Bùi Thanh T) đại diện nhận với số tiền 3.227.200 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người pH thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì pH chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch Th tiêu hủy 01 biển số 67L1-155.06 (đã qua sử dụng).

(Vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 50/QĐ-VKSTS, ngày 19/10/2021 của Vện kiểm sát nhân dân huyện TS).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Th vụ Q hội về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

- Buộc bị cáo Lê Văn T (T KH) pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.169.860 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại, đại diện bị hại có mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa T án; riêng đại diện bị hại vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã, thị trấn nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử Ph thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- Sở Tư pháp AG;
- VKSND huyện TS;
- Cơ quan điều tra CA huyện TS;
- Cơ quan THA hình sự huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Bị cáo, đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tr